

Số: 1104 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2020

CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT TN	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 214 Ngày: 09/6/2020
Người nhận: Vũ	
Chuyển: B.Đ. T.Đ. H. K. S. K. H.	
	191

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Quy chế Tài chính của
Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước;
Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;
Căn cứ Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ về quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;
Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước.
Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
Căn cứ Thông tư số 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số quy định tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch Chứng khoán và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh;

Theo đề nghị của Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Tây Ninh tại Tờ trình số 04/TTr-XSKT ngày 13/02/2020 về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động; quy chế tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Chủ tịch, Kiểm soát viên, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, cán bộ, nhân viên, người lao động Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh theo quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành của nhà nước.

- Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát việc thực hiện Quy chế Tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh, Thủ trưởng các đơn vị: Tài chính, Nội vụ, Lao động Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh và thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, từ ngày ký./.

Nơi nhận: *ly*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- CVP, PVP Long;
- KTTC;
- Lưu: VT, KT. 7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



ly
Dương Văn Thắng

QUY CHẾ TÀI CHÍNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1104 /QĐ-UBND ngày 02/6/2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng cho Ban lãnh đạo, các Trưởng, Phó phòng, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân có liên quan đến hoạt động tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. “Công ty” là viết tắt của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Tây Ninh.
2. “Hoa hồng đại lý” là số tiền mà Công ty trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé xổ số đã bán.
3. “Doanh thu có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu có thuế để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.
4. “Doanh thu tính thuế” là doanh thu có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Doanh thu tính thuế dùng để xác định số thuế giá trị gia tăng phải nộp.
5. “Doanh thu chưa có thuế” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu chưa có thuế để xác định thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp và kết quả kinh doanh của Công ty.

Điều 3. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

Công ty chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Điều 4. Quản lý sử dụng vốn và tài sản

1. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn và tài sản do cơ quan đại diện chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hoạt động hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.
2. Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài Công ty, quản lý hàng hóa tồn kho, quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, chênh lệch tỷ giá, kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Công ty thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các Quy chế do Công ty ban hành không trái với quy định của pháp luật.

Chương II

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

Điều 5. Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

2. Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng và kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc cho thuê văn phòng, bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ theo đăng ký kinh doanh của Công ty.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm: tiền lãi từ việc cho vay vốn, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi cho thuê tài chính; chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ; lợi nhuận, cổ tức được chia từ việc đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm cả phần lợi nhuận sau thuế sau khi để lại trích các quỹ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp sở hữu 100% vốn điều lệ và cổ tức được chia bằng cổ phiếu tại các công ty cổ phần).

4. Thu nhập khác gồm các khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền bảo hiểm được bồi thường, các khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập, thu tiền phạt khách hàng, tiền phạt đại lý bán vé xổ số vi phạm hợp đồng và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Chi phí

1. Trừ các khoản chi không được trừ quy định tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; Công ty được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật;

c) Khoản chi có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

2. Công ty được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù sau:

2.1. Chi phí trả thưởng

a) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số truyền thống là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Phòng Trả thưởng có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp của người trúng thưởng theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

2.2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

a) Hoa hồng đại lý là số tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số để các đại lý này bán vé số.

b) Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi hoa hồng cho các đại lý xổ số quy định tại khoản này trong từng thời kỳ.

c) Mức chi hoa hồng đại lý do Công ty quyết định, đảm bảo nguyên tắc tối đa không được vượt quá 15% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt và phải quy định cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa Công ty và đại lý xổ số.

d) Công ty chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi tại hợp đồng đại lý với Công ty.

đ) Phòng Kế toán có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

2.3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng

a) Bộ Tài chính quy định cụ thể mức chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số quy định tại khoản này trong từng thời kỳ.

b) Chi phí ủy quyền trả thưởng được quy định cụ thể trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng đại lý đã ký giữa Công ty và đại lý xổ số; Mức chi ủy quyền trả thưởng tối đa không quá 0,2% tổng giá trị giải thưởng mà đại lý xổ số đã thanh toán theo ủy quyền;

- Giá trị giải thưởng được Công ty ủy quyền trả thưởng cho tất cả các giải của vé số truyền thống và vé số tự chọn.

c) Đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

2.4. Chi phí quay số mở thưởng và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng.

b) Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số do cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Công ty; thẩm định của Sở Tài chính.

2.5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả

a) Nguyên tắc chi:

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm vé số giả.

- Phù hợp với khả năng tài chính của Công ty.

- Có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

- Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích một cách công khai, minh bạch tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án.

b) Mức chi và tổng mức chi:

Căn cứ tình hình thực tế, doanh nghiệp kinh doanh xổ số trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt mức chi hỗ trợ công tác phòng, chống số đề và làm vé số giả đảm bảo đúng đối tượng, nguyên tắc chi quy định tại Khoản 5 Điều 5 Nghị định số 122/2017/NĐ-CP và không được vượt quá mức chi tối đa quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và tổng chi phí chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư 138/2017/TT-BTC như sau:

- Mức chi đối với các vụ án đã có bản án của Tòa án nhân dân tối đa là 50 triệu đồng/vụ án.

- Mức chi đối với các vụ việc đã có quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt của người vi phạm tối đa bằng 50% số tiền xử phạt vi phạm hành chính nhưng không vượt quá 15 triệu đồng/vụ.

- Tổng mức chi cho công tác phòng, chống số đề, làm vé số giả quy định trong năm tài chính thực hiện theo nguyên tắc: không vượt quá 0,1% doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt của Công ty.

2.6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

a) Nguyên tắc trích lập:

- Công ty được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

- Tại thời điểm trích lập Công ty không bị lỗ và có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\%$$

- Tại thời điểm trích lập, tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của Công ty hoạt động kinh doanh tối đa không được vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập.

b) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định như sau:

Dự phòng rủi ro trả thưởng	=	Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập	x	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số	-	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.
-------------------------------------	---	--	---	---	---	--

c) Công ty được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định tại điểm a khoản này.

d) Công ty sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch.

- Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

- Công ty có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm a khoản này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

2.7. Chi phí về vé xổ số

a) Chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa Công ty và cơ sở in.

b) Trường hợp Công ty tự in vé xổ số, chi phí in vé xổ số là các khoản chi hợp lý, hợp lệ thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí chung của Công ty.

2.8. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng

a) Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý.

b) Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định của pháp luật về thuế.

2.9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực miền Nam

Mức đóng góp cụ thể được quy định theo Nghị quyết của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực Miền Nam.

2.10. Chi phí lễ tân, khánh tiết, tuyên truyền quảng cáo, môi giới, tiếp thị, chi phí khuyến mại được phép chi, chi phí giao dịch, chi phí hội nghị và các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn.

3. Các khoản chi khác được hạch toán chi phí theo quy định của pháp luật:

3.1. Các khoản thực chi cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS tại nơi làm việc của doanh nghiệp, bao gồm: Chi phí đào tạo cán bộ phòng, chống HIV/AIDS của doanh nghiệp, chi phí tổ chức truyền thông phòng, chống HIV/AIDS cho người lao động của doanh nghiệp, phí thực hiện tư vấn, khám và xét nghiệm HIV, chi phí hỗ trợ người nhiễm HIV là người lao động của doanh nghiệp.

3.2. Khoản thực chi để thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh, huấn luyện, hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và phục vụ các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh khác theo quy định của pháp luật. Mức chi thực hiện theo định mức chi phí hàng năm.

3.3. Khoản thực chi để hỗ trợ cho Đảng bộ, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty: chi hỗ trợ Đảng bộ Công ty, chi hỗ trợ Công đoàn cơ sở, Chi đoàn TNCS Hồ Chí Minh... Mức chi thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi khám chữa bệnh, chi tham quan du lịch, chi hỗ trợ điều trị bệnh; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của Công ty.

Mức chi và điều kiện chi cụ thể thực hiện theo Quy chế Các khoản chi có tính chất phúc lợi hạch toán chi phí.

3.5. Công ty chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động để được tính vào chi phí được trừ thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ.

3.6. Chi thưởng sáng kiến, cải tiến.

- Công ty phải lập hội đồng nghiệm thu sáng kiến, cải tiến.

- Ban hành quy chế quy định cụ thể về việc chi thưởng sáng kiến, cải tiến.

3.7. Chi phí đi lại cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động.

3.8. Các khoản chi thêm cho lao động nữ đúng đối tượng theo quy định của pháp luật về thuế. Cụ thể:

- Chi cho công tác đào tạo lại nghề cho lao động nữ trong trường hợp nghề cũ không còn phù hợp phải chuyển đổi sang nghề khác theo quy hoạch phát triển của doanh nghiệp.

Khoản chi này bao gồm: học phí (nếu có) + chênh lệch tiền lương ngạch bậc (đảm bảo 100% lương cho người đi học).

- Chi phí tổ chức khám sức khỏe thêm trong năm như khám bệnh nghề nghiệp, mãn tính hoặc phụ khoa cho nữ công nhân viên.

- Chi bồi dưỡng cho lao động nữ sau khi sinh con lần thứ nhất hoặc lần thứ hai. Mức chi cụ thể quy định trong thỏa ước lao động tập thể.

- Phụ cấp làm thêm giờ cho lao động nữ trong trường hợp vì lý do khách quan người lao động nữ không nghỉ sau khi sinh con, nghỉ cho con bú mà ở lại làm việc cho Công ty được trả theo chế độ hiện hành.

3.9. Chi trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với Công ty tối đa không quá 03 triệu đồng/tháng/người.

Điều kiện hưởng và mức hưởng được quy định tại Thỏa ước lao động tập thể.

3.10. Chi tài trợ cho giáo dục (bao gồm cả chi tài trợ cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp)

Tài trợ cho giáo dục gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục

mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học; Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; Tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; Tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); Tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo.

* Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho giáo dục gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, đại diện của cơ sở giáo dục hợp pháp là đơn vị nhận tài trợ, học sinh, sinh viên (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) nhận tài trợ theo mẫu quy định của pháp luật về Thuế; kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.11. Chi tài trợ cho y tế

Tài trợ cho y tế gồm: tài trợ cho các cơ sở y tế được thành lập theo quy định pháp luật về y tế mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các bệnh viện, trung tâm y tế đó; tài trợ thiết bị y tế, dụng cụ y tế, thuốc chữa bệnh; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của bệnh viện, trung tâm y tế; chi tài trợ bằng tiền cho người bị bệnh thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

* Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho y tế gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, đại diện của đơn vị nhận tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) theo mẫu quy định của pháp luật về Thuế; kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.12. Chi tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai

Tài trợ cho khắc phục hậu quả thiên tai gồm: tài trợ bằng tiền hoặc hiện vật để khắc phục hậu quả thiên tai trực tiếp cho tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật; cá nhân bị thiệt hại do thiên tai thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

* Hồ sơ xác định khoản tài trợ cho việc khắc phục hậu quả thiên tai gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, đại diện của tổ chức bị thiệt hại do thiên tai (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là đơn vị nhận tài trợ theo mẫu quy định của pháp luật về Thuế; kèm theo hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.13. Chi tài trợ làm nhà tình nghĩa, làm nhà cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết

Đối với chi tài trợ làm nhà cho người nghèo thì đối tượng nhận tài trợ là hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Hình thức tài trợ: tài trợ bằng tiền

hoặc hiện vật để xây nhà cho hộ nghèo bằng cách trực tiếp hoặc thông qua một cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật.

* Hồ sơ xác định khoản tài trợ làm nhà tình nghĩa, làm nhà cho người nghèo, làm nhà đại đoàn kết gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ là bên nhận tài trợ theo mẫu quy định của pháp luật về Thuế; văn bản xác nhận hộ nghèo của chính quyền địa phương (đối với tài trợ làm nhà cho người nghèo); hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

Trường hợp bên nhận tài trợ là cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ thì hồ sơ xác định khoản tài trợ bao gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện Công ty là nhà tài trợ và cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ là bên nhận tài trợ; hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

3.14. Chi tài trợ theo chương trình của Nhà nước là chương trình được Chính phủ quy định thực hiện ở các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (bao gồm cả khoản tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

Chi tài trợ cho các đối tượng chính sách thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Hồ sơ xác định khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Tài trợ của doanh nghiệp cho việc xây dựng cầu mới dân sinh ở địa bàn kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Tài trợ cho các đối tượng chính sách theo quy định của pháp luật gồm: Biên bản xác nhận khoản tài trợ có chữ ký của người đại diện doanh nghiệp là nhà tài trợ, người được hưởng tài trợ (hoặc cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ) là bên nhận tài trợ (theo mẫu số 07/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC); hoá đơn, chứng từ mua hàng hoá (nếu tài trợ bằng hiện vật) hoặc chứng từ chi tiền (nếu tài trợ bằng tiền).

Các quy định về nghiên cứu khoa học và thủ tục, hồ sơ tài trợ cho nghiên cứu khoa học thực hiện theo quy định tại Luật khoa học và công nghệ và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn có liên quan.

3.15. Ngoài các khoản trên, Công ty được hạch toán vào chi phí kinh doanh một số khoản chi phí khác được pháp luật cho phép.

Chương III

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 7. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, trích Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:

1. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).

2. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định.

3. Lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được phân phối theo thứ tự như sau:

a) Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

b) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động trong Công ty:

- Công ty xếp loại A được trích 3 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên:

- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại C hoặc Công ty không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên.

d) Trường hợp số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập Quỹ đầu tư phát triển quy định tại Điểm a Khoản này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định thì Công ty được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý Công ty, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

đ) Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ quy định tại các Điểm a, b, c, Khoản này được nộp về ngân sách nhà nước.

Điều 8. Mục đích sử dụng các quỹ

Việc quản lý, sử dụng và quyết toán các quỹ của Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Cụ thể:

1. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ cho Công ty.

2. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty.

c) Thương cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

Mức thưởng theo quy định tại các Điểm a, b, c Khoản này do Giám đốc quyết định.

Điều kiện được hưởng và mức chi cụ thể quy định tại Quy chế trả lương – chi Quỹ khen thưởng – Quỹ phúc lợi của Công ty.

3. Quỹ phúc lợi được dùng để:

- a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Công ty.
- b) Chi cho các hoạt động phúc lợi của tập thể người lao động trong Công ty.
- c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.
- d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để chi cho CBCNV tham quan du lịch, Lễ, Tết.

e) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Giám đốc công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của công đoàn Công ty.

Điều kiện được hưởng và mức chi cụ thể quy định tại Quy chế trả lương – chi Quỹ khen thưởng – Quỹ phúc lợi của Công ty.

4. Quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định. Mức thưởng theo quy định hiện hành.

5. Việc trích lập và sử dụng các quỹ nói trên phải được chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

Chương IV

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO, CÔNG KHAI TÀI CHÍNH VÀ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

Điều 9. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh của Công ty đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với định hướng của doanh nghiệp đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh trình Chủ tịch công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch công ty quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và có ý kiến chính thức bằng văn

bản đề Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều 10. Kế toán, thống kê

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 11. Báo cáo tài chính và các báo cáo khác

1. Ngoài các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê được lập, gửi cho các cơ quan quản lý nhà nước và thực hiện công khai tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành, định kỳ hàng quý, kết thúc năm, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải lập và gửi các báo cáo sau:

a) Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh (Mẫu số 01/BCXS).

b) Báo cáo tình hình tiêu thụ vé (Mẫu số 02/BCXS).

c) Báo cáo tình hình thực hiện kỳ hạn nợ và đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của đại lý xổ số (Mẫu số 03/BCXS).

d) Báo cáo tình hình chi trả hoa hồng đại lý xổ số và chi ủy quyền trả thưởng của đại lý xổ số (Mẫu số 04/BCXS).

đ) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước (Mẫu số 05/BCXS).

2. Các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính cùng với thời điểm gửi các báo cáo tài chính và báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, doanh nghiệp kinh doanh xổ số phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

4. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 12. Kiểm toán, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Công ty chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định của pháp luật. Chậm nhất là mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra, Công ty phải gửi báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Tài chính (Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính).

3. Công ty phải công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Trách nhiệm của Công ty

1. Tuân thủ chấp hành quy định về quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện đánh giá và xếp loại doanh nghiệp hàng năm theo quy định của pháp luật;
3. Thực hiện công khai thông tin tài chính theo quy định của pháp luật;
4. Chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của cơ quan đại diện chủ sở hữu và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Tổ chức thực hiện

1. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, phải kịp thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để có chủ trương, ý kiến chỉ đạo thực hiện.
2. Trong trường hợp các quy định của pháp luật có sự sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới làm cho Quy chế này có điều khoản không còn phù hợp thì điều khoản đó không được thi hành mà áp dụng theo quy định mới của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
Đương Văn Thắng